

Bản án số: **191/2022/HS-PT**
Ngày: 07-9-2022.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Văn Thuận**

Các Thẩm phán: Bà **Nguyễn Diệu Hiền**

Ông **Nguyễn Thành Quang**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Tấn Đạt** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Bà **Huỳnh Thị Cẩm Loan** - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 08/2022/TLPT-HS ngày 06 tháng 01 năm 2022 đối với bị cáo Võ Thị Bích K, do có kháng cáo của bị hại đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 53/2021/HS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Bị cáo:

Võ Thị Bích K, sinh năm 1982 tại An Minh, Kiên Giang.

Nơi cư trú: khu phố 1, thị trấn Thứ Mười Một, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Chỗ ở hiện nay: ấp Danh Côi, xã Đông Hưng B, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: nội trợ; trình độ văn hóa: 6/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Võ Văn Hào (đã chết) và bà Nguyễn Thị Phú (đã chết); chồng là Phạm Thanh Hải (đã ly hôn) và có 02 người con, sinh năm 2001 và 2003; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại; (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư **Lại Hùng Anh** - Văn phòng luật sư Hùng Anh thuộc đoàn luật sư tỉnh Kiên Giang. (Có mặt)

- Bị hại: **Nguyễn Thị Mỹ L** sinh năm 1988. Địa chỉ: khu phố 2, thị trấn Thứ Mười M, huyện An M, tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại:* Luật sư **Nguyễn Trần Thụy Quyên** - Văn phòng luật sư Thụy Quyên thuộc đoàn luật sư tỉnh Kiên Giang. (Có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông **Phạm Thanh H**, sinh năm 1977.

Địa chỉ: khu phố 2, thị trấn Thứ Mười M, huyện An M, tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Luật sư **Lại Hùng Anh** - Văn phòng luật sư Hùng Anh thuộc đoàn luật sư tỉnh Kiên Giang. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 7 (âm lịch) năm 2019, do nợ tiền của nhiều người mất khả năng chi trả nên Võ Thị Bích K nảy sinh ý định làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để mang đi cầm cố cho người khác lấy tiền trả nợ. Để thực hiện hành vi trên, K thông qua mối quan hệ quen biết khi vay tiền với một người phụ nữ tên Lưu Thanh T (tên thường gọi là N), ở thành Phố R G, tỉnh Kiên Giang, K biết bà T làm giả được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên đã thuê bà T làm giả một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Võ Thị Bích K, lấy thông tin mảnh đất của người cháu tên Võ Thị Thúy D, địa chỉ ấp Danh Cui, xã Đông H B, huyện An M, tỉnh Kiên Giang cung cấp cho bà T (N) làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 446652, đứng tên Võ Thị Bích K, CMND số 370984432, địa chỉ: khu phố 1, thị trấn Thứ Mười M, huyện An M, tỉnh Kiên Giang, do ông Phạm Ngọc L - Phó Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai thuộc sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Kiên Giang ký ngày 15/5/2018, diện tích đất 22.784m² với giá 20.000.000 đồng. Sau khi làm xong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, mang đi cầm cố cho bà Phan Thị L ở khu phố 2, thị trấn Thứ Mười, huyện An M, tỉnh Kiên Giang với số tiền 150.000.000 đồng.

Đến khoảng tháng 11 năm 2019, Võ Thị Bích K tiếp tục thuê bà T () làm giả một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mọi thông tin giống như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả trước đó với giá 20.000.000 đồng. Sau khi làm xong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, ngày 30/11/2019, K mang đi cầm cố cho chị Nguyễn Thị Mỹ với số tiền 190.000.000 đồng, thời hạn cầm cố là 10 tháng, có ghi biên nhận tiền. Khi sắp đến thời hạn thanh toán tiền chuộc lại giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất, Kiều tiếp tục liên hệ chị L để hỏi mượn thêm 210.000.000 đồng. Thấy nghi ngờ nên chị L mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên đi kiểm tra thì phát hiện là giấy tờ giả nên đến Công an huyện An M trình báo.

Cơ quan điều tra mời bà L và bà L làm việc để tiến hành thu giữ các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để phục vụ công tác điều tra, thì Kiều đã liên hệ với bà L chuộc lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả đã cầm cho bà L mang về tiêu hủy (đốt bỏ), qua làm việc bà L không có yêu cầu nên không có căn cứ để xử lý. Riêng đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả bà K cầm cố cho chị L thì chị L đã giao nộp cho Cơ quan điều tra.

Tại bản Kết luận giám định số: 820 KL- KTHS ngày 24/9/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kiên Giang kết luận: “GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT” số: CM446652 mang tên Võ Thị Bích K, sinh năm 1982, địa chỉ thường trú: Khu phố 1, thị trấn Thứ 11, huyện An M, tỉnh Kiên Giang, đề ngày 15/5/2018 (Ký hiệu A) là giả.

Đối với đối tượng Lưu Thanh T (tên thường gọi là N), ở thành Phố Rạch G, tỉnh Kiên Giang có dấu hiệu phạm tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức nhưng hiện tại đối tượng không có mặt ở địa phương nên chưa mời làm việc được, khi nào làm việc được sẽ xử lý sau.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng

- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện An Minh đã thu giữ vật chứng: 01 “GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT” số: CM446652 mang tên Võ Thị Bích K, sinh năm 1982, địa chỉ thường trú: Khu phố 1, thị trấn Thứ 11, huyện An M, tỉnh Kiên Giang, đề ngày 15/5/2018, đã đưa vào hồ sơ vụ án.

- Tạm giữ số tiền 50.000.000 đồng, bị can K nộp khắc phục hậu quả. Cơ quan điều tra đã trả cho bị hại Nguyễn Thị Mỹ L.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Thị Mỹ L yêu cầu bị can Võ Thị Bích K trả đủ số tiền còn lại là 140.000.000 đồng. Bị can K đồng ý theo yêu cầu của bị hại, nhưng hiện tại không có khả năng nên khi nào có khả năng sẽ trả đủ cho chị L.

* *Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 53/2021/HS-ST, ngày 22/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện An M, tỉnh Kiên G đã quyết định:*

1. *Tuyên bố*: Bị cáo Võ Thị Bích K phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. .

2. *Áp dụng*: Điểm c khoản 2 Điều 174, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 và khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Võ Thị Bích K 01** (một) năm **06** (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng: Điểm d khoản 2 Điều 341, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 và khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: bị cáo **Võ Thị Bích K 01** (một) năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo Võ Thị Bích K chấp hành hình phạt chung của hai tội là **02** (hai) năm **06** (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

Buộc bị cáo Võ Thị Bích K trả cho chị Nguyễn Thị Mỹ L số tiền là 140.000.000 đồng.

Ngày 06/12/2021, bị hại Nguyễn Thị Mỹ L có đơn kháng cáo với nội dung. Về trách nhiệm hình sự yêu cầu tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, về trách nhiệm dân sự yêu cầu ông Phạm Thanh H chồng bị cáo Kiều phải có trách nhiệm liên đới bồi thường.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, án phí và bảo quyền kháng cáo theo luật định.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận Bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo điểm c khoản 2 Điều 174 và điểm d khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự là đúng tội.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang giữ quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:*

Cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo điểm c khoản 2 Điều 174 và điểm d khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xử phạt bị cáo cả hai tội danh với mức án 02 năm 06 tháng tù, về trách nhiệm dân sự buộc bị cáo Võ Thị Bích K trả cho chị Nguyễn Thị Mỹ L số tiền là 140.000.000 đồng là có căn cứ đúng với quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm bị hại kháng cáo nội dung về phần trách nhiệm hình sự yêu cầu tăng nặng hình phạt đối với bị cáo, về trách nhiệm dân sự yêu cầu chồng của bị cáo là ông Phạm Thanh H phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho chị L số tiền 140.000.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay xét thấy cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Võ Thị Bích K về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 174 xử phạt bị cáo mức án là 01 năm 06 tháng tù là có căn cứ, đúng với quy định của pháp luật là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Đối với tội danh “*Sử dụng con dấu tài liệu của cơ quan, tổ chức*” theo điểm d khoản 2 Điều 341 xử phạt bị cáo với mức hình phạt là 01 năm tù, xét thấy bị cáo chỉ có một tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự mà cấp sơ thẩm lại áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự để xử bị cáo dưới khung hình phạt cho bị cáo là không phù hợp, không đúng với quy định của pháp luật. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo K có cung cấp thêm kết quả siêu âm bị cáo đang mang thai dự sinh ngày 15/10/2022 đây là tình tiết giảm nhẹ mới được quy định tại điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, mặc dù bị cáo không kháng cáo nhưng đây là tình tiết có lợi cho bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng cho bị cáo và giữ nguyên hình phạt như cấp sơ thẩm đã tuyên. Về trách nhiệm dân sự chị L yêu cầu ông Phạm thanh h phải có trách nhiệm liên đới cùng với bị cáo bồi thường cho bà số tiền 140.000.000 đồng là không có căn cứ, xét thấy trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo K, bị cáo K tự mình thuê người làm giả Giấy chứng nhận QSD đất; bị cáo Kiều một mình thực hiện giao dịch cầm cố Giấy chứng nhận QSD đất (giả) với bị hại L, ông H không tham gia quá trình giao dịch đó. Bị cáo K cũng xác định một mình bị cáo thực hiện các hành vi phạm tội, ông H không tham gia và không hay biết việc bị cáo làm. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm đã tuyên.

- *Quan điểm luật sư bào chữa cho bị hại trình bày:* Về trách nhiệm hình sự cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo khá nhẹ, cần phải xem xét hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị cáo đối với bà L để truy tố xét xử bị cáo tại khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự, về tội sử dụng con tài liệu giả của cơ quan, tổ chức là phạm tội hai lần trở lên đề nghị Hội đồng xét xử tăng nặng hình phạt cả hai tội danh đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự bị cáo thực hiện hành vi phạm

tội trong thời kỳ hôn nhân với anh Phạm Thanh H, do đó đề nghị Hội đồng xét xử buộc anh Phạm Thanh H phải có trách nhiệm liên đới bồi thường số tiền 140.000.000 đồng cho chị L

- *Quan điểm luật sư bào chữa cho bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:* Về trách nhiệm hình sự tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo K có cung cấp thêm kết quả siêu âm bị cáo đang mang thai dự kiến sinh ngày 15/10/2022 đây là tình tiết giảm nhẹ mới được quy định tại điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giữ nguyên bản án sơ thẩm đã tuyên. Về trách nhiệm dân sự chị L yêu cầu ông Phạm thanh h phải có trách nhiệm liên đới cùng với bị cáo bồi thường cho chị L số tiền 140.000.000 đồng là không có căn cứ, xét thấy trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo K, bị cáo K tự mình thuê người làm giả Giấy chứng nhận QSD đất; bị cáo một mình thực hiện giao dịch cầm cố Giấy chứng nhận QSD đất (giả) với bị hại L, ông H không tham gia quá trình giao dịch đó. Bị cáo K cũng xác định một mình bị cáo thực hiện các hành vi phạm tội, ông H không tham gia và không hay biết việc bị cáo làm của bị cáo K, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị hại giữ nguyên bản án sơ thẩm đã tuyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo:

Xét đơn kháng cáo của bị hại về nội dung, quyền kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáo đã đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quyết định của Bản án sơ thẩm:

Khoảng tháng 11 năm 2019, do nợ tiền của nhiều người mất khả năng chi trả, nên bị cáo Võ Thị Bích K thuê người khác làm giả một giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất với giá 20.000.000 đồng, rồi mang đi cầm cố cho chị Nguyễn Thị Mỹ lấy số tiền 190.000.000 đồng. Sau đó, chị L phát hiện giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất bị cáo cầm cố cho chị là giả nên đến Cơ quan CSĐT Công an huyện An M trình báo. Tại Cơ quan điều tra bị cáo K đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Do đó, bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo Võ Thị Bích K về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo điểm c khoản 2 Điều 174 và điểm d khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình

sự xử phạt bị cáo 02 năm 06 tháng tù. Buộc bị cáo Võ Thị Bích K trả cho chị Nguyễn Thị Mỹ L số tiền là 140.000.000 đồng là có căn cứ, đúng với quy định của pháp luật.

[3] Xét về yêu cầu kháng cáo của bị hại:

Sau khi xét xử sơ thẩm xong, bị hại có đơn kháng cáo với nội dung, về trách nhiệm hình sự yêu cầu tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, về trách nhiệm dân sự yêu cầu ông Phạm Thanh H chồng của bị cáo phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bà L số tiền 140.000.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị hại vẫn giữ nguyên nội kháng cáo.

Hội đồng xét xử xét thấy, cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Võ Thị Bích K về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 xử phạt bị cáo mức án là 01 năm 06 tháng tù là có căn cứ, đúng với quy định của pháp luật là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Đối với tội danh “Sử dụng con dấu tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” bị cáo bị truy cứu theo điểm d khoản 2 Điều 341 của Bộ luật hình sự và xử phạt bị cáo mức án 01 năm tù, xét thấy bị cáo chỉ có một tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự mà cấp sơ thẩm lại áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự để xử bị cáo dưới khung hình phạt cho bị cáo là không phù hợp, không đúng với quy định của pháp luật. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo có cung cấp thêm kết quả siêu âm bị cáo đang mang thai dự kiến sinh ngày 15/10/2022 đây là tình tiết giảm nhẹ mới được quy định tại điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, mặc dù bị cáo không kháng cáo nhưng đây là tình tiết có lợi cho bị cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Về trách nhiệm dân sự buộc bị cáo Võ Thị Bích K trả cho chị Nguyễn Thị Mỹ L số tiền là 140.000.000 đồng là có căn cứ, đúng với quy định của pháp luật. Bị hại Nguyễn Thị Mỹ L yêu cầu ông Phạm Thanh H phải có trách nhiệm cùng với bị cáo bồi thường về trách nhiệm dân sự là không có cơ sở, bởi lẽ bị cáo K tự mình thuê người làm giả Giấy chứng nhận QSD đất; bị cáo K một mình thực hiện giao dịch cầm cố Giấy chứng nhận QSD đất (giả) với bị hại L, ông H hoàn toàn không biết và không tham gia quá trình giao dịch đó. Bị cáo K cũng xác định một mình bị cáo thực hiện bị hại là chị L cũng thừa nhận sự việc này. Mặt khác mặc dù hành vi phạm tội của bị cáo vẫn còn trong thời kỳ hôn nhân với ông Hải, tuy nhiên theo quy định tại Điều 45 của Luật hôn nhân gia đình quy định về nghĩa vụ riêng về tài sản vợ, chồng. Tại khoản 4 Điều 45 Luật hôn nhân gia đình quy định “nghĩa vụ phát sinh từ hành vi vi phạm pháp luật của vợ, chồng”, do đó không có căn cứ để buộc ông H phải có trách nhiệm bồi thường cho chị L. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm đã tuyên.

[4] Về quan điểm của Kiểm sát viên: Đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự không chấp nhận kháng

cáo của bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm đã tuyên là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Quan điểm luật sư bào chữa cho bị hại: Hội đồng xét xử xét thấy là không có cơ sở nên không chấp nhận.

[6] Quan điểm bào chữa của luật sư bào chữa cho bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở nên chấp nhận quan điểm của luật sư.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị hại Nguyễn Thị Mỹ L giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 53/2022/HS-ST ngày 22/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện An M, tỉnh Kiên Giang.

2. *Áp dụng:* Điểm c khoản 2 Điều 174, điểm b, s, n khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 và khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Võ Thị Bích 01** (một) năm **06** (sáu) tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng: Điểm d khoản 2 Điều 341, điểm s, n khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 và khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: bị cáo **Võ Thị Bích K 01** (một) năm tù về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo Võ Thị Bích Kiều chấp hành hình phạt chung của hai tội là **02** (hai) năm **06** (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án

Buộc bị cáo Võ Thị Bích K trả cho chị Nguyễn Thị Mỹ L số tiền là 140.000.000 đồng.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm số 53/2021/HS-ST ngày 22/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện An M, tỉnh Kiên Giang không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc kiểm tra 1 (1);
- VKSND Cấp cao tại Tp. HCM (1);
- TAND Cấp cao tại Tp.HCM (1);
- VKSND tỉnh KG (1);
- Sở Tư pháp tỉnh KG (1);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh KG (1);
- Bị cáo (1);
- Cơ quan điều tra huyện (1)
- VKS huyện (1)
- Tòa án huyện (1)
- Thi hành án hình sự huyện (1)
- Chi cục thi hành án dân sự huyện (1)
- Tổ hành chính tư pháp (1);
- Đương sự (1)
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu tòa hình sự (5).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Văn Thuận